TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11/01/2024
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Trần Xuân Văn.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Quách Trung Sơn.**
Ông Trần Văn Sáu.

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Quốc Hiển**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 669/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Ngọc M**, sinh năm: 1993. *(có mặt).*

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Phước Ch**, sinh năm: 1990. *(có mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Chị Phạm Thị Ngọc M trình bày: Chị và Anh Nguyễn Phước Ch do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2020, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ cuối năm 2023 đến nay, vợ chồng thường xuyên mâu thuẩn. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện hai bên đã sống ly thân không hàn gắng đoàn tụ được nên Chị M yêu cầu được ly hôn với Anh Ch.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phước Hoàng A, sinh ngày 13/7/2020. Hiện đang sống cùng Chị M. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu Anh Ch cấp dưỡng.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Anh Nguyễn Phước Ch trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị M về việc hai bên tiến tới hôn nhân là tự nguyên, có đăng ký kết hôn và đã có 01 con chung. Theo Anh Ch, mâu thuẫn hai bên chỉ cải vả qua lại. Hiện anh vẫn còn thương vợ nên mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Không đồng ý ly hôn.

Về con chung; Tài sản chung; nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn Chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn Anh Ch không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Chị Phạm Thị Ngọc M và Anh Nguyễn Phước Ch là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 16/3/2020 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T thì giữa Chị M và Anh Ch đã xác lập mối quan hệ hôn nhân và gia đình đúng quy định pháp luật. Bản thân Chị M đưa ra yêu cầu ly hôn vì lý do hai bên thường xuyên gây gỗ, cải vả nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Tuy nhiên tại phiên tòa mặc dù Chị M không đồng ý đoàn tụ nhưng đã thừa nhận trong thời gian chị nộp đơn lên Tòa án, Anh Ch đã có nhiều sửa đổi, khắc phục. Thời gian ly thân chỉ khoản 3 tháng. Bản thân Anh Ch cũng có những giải pháp khắc phục hạn chế của anh mà Chị M đưa ra. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn của hai bên không đến mức trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của của Chị M không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị M nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu ly hôn của Chị Phạm Thị Ngọc M.

2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013231 ngày 02/11/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như đã thi hành xong.

4. Chị Phạm Thị Ngọc M và Anh Nguyễn Phước Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn